

Số: /GCN-SXD Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Quy hoạch – Kiến trúc; quản lý chất lượng công trình xây dựng; giám định tư pháp xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; kinh doanh bất động sản; nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên;

Theo hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH vận tải thương mại và khoáng sản Thái Dương; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Đoàn đánh giá Sở Xây dựng; Văn bản số 04/2025/CV-THAIDUONG ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Công ty TNHH vận tải thương mại và khoáng sản Thái Dương về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho phòng thí nghiệm LAS-XD (giải trình, bổ sung các hồ sơ và nội dung tồn tại theo Biên bản kiểm tra ngày 19/6/2025).

Xét đề nghị của Phòng Quản lý các hoạt động xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH vận tải thương mại và khoáng sản Thái Dương
 - Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
 - Mã số doanh nghiệp 4600863774 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 21 tháng 06 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 05 năm 2024.

– Giấy xác nhận số 9709/25 ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

– Địa chỉ: Lô số 4, Cụm CN Cao Ngạn, xã Cao Ngạn, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

– Điện thoại: 0976 253 111

– Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng công trình.

– Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Lô số 4, cụm công nghiệp Cao Ngạn, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

– Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: **LAS-XD THN.006**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH vận tải thương mại và khoáng sản Thái Dương;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Giám đốc, các P.Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở (đăng tải trên Website Sở);
- Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, QLCHĐXD.
(Huynn.05b)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Thái Cường

**DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM
LAS-XD THN.006**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành
xây dựng số: .../GCN-SXD, ngày tháng 06 năm 2025)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1.1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
1.2	Xác định cường độ	TCVN 6016: 2011
1.3	Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
1.4	Xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim vicat cải biến	TCVN 8875:2012
2	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
2.1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
2.2	Xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022
2.3	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
2.4	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
2.5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
2.6	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
2.7	Xác định độ co	TCVN 3117:2022
2.8	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
2.9	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
2.10	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
2.11	Phương pháp áp suất xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
3	Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa	
3.1	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
3.2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
3.3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
3.4	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
3.5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
3.6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
3.7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
3.8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
3.9	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
3.10	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
3.11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
3.12	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
3.13	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, vữa	TCVN4453:1995; TCVN 4459:1987 TCVN3105:2022 TCVN10306:2014 TCVN10796:2015 TCVN5574:2012
4	Thử nghiệm cơ lý vữa xây dựng	
4.1	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
4.2	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4.3	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8:2022
4.4	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
4.5	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
4.6	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
5	Thử nghiệm cơ lý gạch xây	
5.1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
5.2	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
5.3	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
5.4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
5.5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
5.6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
5.7	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
5.8	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
6	Thử nghiệm gạch bê tông	
6.1	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ rỗng	TCVN 6477:2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
6.2	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016
6.3	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
6.4	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
7	Thử nghiệm bê tông nhẹ, sản phẩm bê tông khí chưng áp, bê tông khí không chưng áp	
7.1	Xác định kích thước; khuyết tật ngoại quan	TCVN 7959:2011 TCVN 9030:2011
7.2	Xác định cường độ nén	TCVN 7959:2011 TCVN 9030:2011
7.3	Xác định khối lượng thể tích khô; độ co khô	TCVN 7959:2011 TCVN 9030:2011
8	Thử nghiệm gạch gốm ốp, lát	
8.1	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
8.2	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
8.3	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
8.4	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
8.5	Xác định độ bền mài mòn bề mặt	TCVN 6415-7:2016 TCVN 4732:2016
8.6	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
9	Thử nghiệm gạch TERAZO	
9.1	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013 TCVN 6065:1995
9.2	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
9.3	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước	TCVN 7744:2013
9.4	Độ hút nước bề mặt theo khối lượng	TCVN 7744:2013
10	Thử nghiệm bột bả tường, sơn	
10.1	Xác định cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
10.2	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
10.3	Xác định độ bám dính màng sơn bằng phương pháp cắt	TCVN 2097:2015
10.4	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
10.5	Trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi	TCVN 8653:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	công và độ ổn định ở nhiệt độ thấp	
11	Thử nghiệm tấm thạch cao	
11.1	Xác định kích thước, độ sâu gờ vuốt thon, độ sâu của gờ vát và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1:2023 TCVN 8257-1:2009
11.2	Xác định độ cứng của lõi, cạnh và gờ	TCVN 8257-2:2009
11.3	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2009
11.4	Xác định độ kháng nhỏ định	TCVN 8257-4:2009
11.5	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2009
12	Thử nghiệm tấm xi măng sợi	
12.1	Xác định kích thước, độ thẳng cạnh và độ vuông góc	TCVN 8259-1:2009
12.2	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8259-2:2009
12.3	Xác định khả năng chống thấm nước	TCVN 8259-6:2009
12.4	Xác định độ bền nước nóng	TCVN 8259-7:2009
13	Thử nghiệm cơ lý BENTONITE	
13.1	Xác định khối lượng riêng, xác định hàm lượng cát, xác định độ ổn định	TCVN 11893:2017
13.2	Xác định độ nhót; tỷ lệ keo, lượng tách nước	TCVN 11893:2017
13.3	Xác định độ dày áo sét	TCVN 11893:2017
13.4	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
13.5	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017
14	Thử nghiệm cơ lý bê tông nhựa	
14.1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
14.2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
14.3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
14.4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
14.5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
14.6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
14.7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
14.8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
14.9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
14.10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
14.11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
14.12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
14.13	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý vật liệu tái chế	TCVN 13150:2020
14.14	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa nóng theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
15	Thử nghiệm nhựa Bitum	
15.1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
15.2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
15.3	Xác định nhiệt điểm hoá mềm (PP dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005
15.4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
15.5	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
15.6	Xác định độ hòa tan trong Trichloroethylene và N-propyl Bromide	TCVN 7500:2023
15.7	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
15.8	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
15.9	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
16	Thử nghiệm nhựa đường lỏng	
16.1	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
16.2	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
16.3	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
16.4	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011
17	Thử nghiệm nhũ tương nhựa đường axit	
17.1	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
17.2	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
17.3	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
17.4	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
17.5	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
17.6	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
17.7	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
18	Thử nghiệm vật liệu kim loại và liên kết hàn	
18.1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009)
18.2	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
18.3	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử uốn	TCVN 5401:2010
18.4	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
18.5	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010
18.6	Vật liệu kim loại ống –Thử nén bẹp	TCVN 1830 : 2008 ISO 8492 : 1998
18.7	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – thử va đập – vị trí mẫu thử, hướng rãnh khía và kiểm tra	TCVN 5402:2010
18.8	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực – PP thử - phần 1: Thanh, dảnh và dây dùng làm cốt	TCVN 7937-1:2013
18.9	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực – PP thử - phần 2: Lưới hàn	TCVN 7937-2:2013
18.10	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực – PP thử - phần 3: thép dự ứng lực	TCVN 7937-3:2013
19	Thử nghiệm đất xây dựng – cơ lý đất trong phòng	
19.1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
19.2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
19.3	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
19.4	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014
19.5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995
19.6	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
19.7	Xác định đất, đá dăm dung trọng trong công trình giao thông – đầm nén proctor	TCVN 12790:2020
19.8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
19.9	Xác định tỷ số CBR trong phòng	TCVN 12792:2020
20	Thử nghiệm tại hiện trường	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
20.1	Cọc - phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
20.2	Xác định độ chặt của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791-2020
20.3	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006
20.4	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
20.5	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
20.6	Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman	TCVN 8867:2025
20.7	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM-D4429:1992
20.8	Xác định cường độ kéo nhỏ bu long, vít, vít cấy và đai ốc	TCVN 1916-1995;
20.9	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bệt nảy	TCVN 9334:2012
20.10	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252: 2020 TCXDVN 239:2006
20.11	Bê tông – Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012 ASTM C900-06
20.12	Thử không phá huỷ - Thử thẩm thấu	TCVN 4617-2018 ISO 3452-2012
20.13	Thử khả năng chịu tải bó vỉa, bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
20.14	Thử khả năng chịu tải mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn	TCVN 6394:2014
20.15	Chống sét cho công trình xây dựng	TCVN 9385-2012
21	Thử nghiệm Ống phụ tùng và hệ thống phụ tùng bằng nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng	
21.1	Xác định độ bền với áp suất bên trong; Xác định độ bền thủy tĩnh	TCVN 6149 1÷2:2007 TCVN 6149 3÷4:2009
21.2	Xác định độ bền kéo, độ giãn dài khi đứt	TCVN 7434-2:2004 TCVN 7434:2020
22	Thử nghiệm gạch gốm ốp lát – vữa, keo chít mạch và dán mạch, silicon xăm khe	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
22.1	Cường độ bám dính; Thời gian mở; Độ trượt; Thử nghiệm các tính chất của keo chít mạch (Cường độ nén sau 28 ngày; Cường độ uốn sau 28 ngày; Độ co ngót; Độ chịu mài mòn; Độ hút nước sau 30 min; Độ hút nước sau 240 min; Độ chảy; Khả năng đùn chảy; Thời gian không dính bề mặt)	TCVN 7899 : 2008; TCVN 8267:2009
23	Thử nghiệm ván mỏng, ván gỗ nhân tạo	
23.1	Xác định độ ẩm; Xác định khối lượng thể tích; Xác định kích thước hình học và sai lệch kích thước; Xác định độ vuông góc, Xác định khối lượng riêng	TCVN 10574 : 2014; TCVN 5694 : 2014
24	Thử nghiệm tấm song PVC cứng	
24.1	Sai lệch kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, độ phẳng; Thử bẻ gập; Mài mòn bề mặt; Độ bền uốn; Modun đàn hồi; Nhiệt độ làm biến dạng; Lực chịu xuyên; Độ dày lớp sơn; Độ bền va đập; Tính chịu nước sôi; Tính chịu axit; Tính chịu kiềm; Tính chịu dầu; Tính chịu dung môi	TCVN 5841 : 1994; ASTM D790-03; ASTM D648-07
25	Thử nghiệm nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn	
25.1	Sai lệch kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, độ phẳng; Độ bền kéo.	TCVN 12513:2018 (ISO 63662:2012)
26	Thử nghiệm phân tích nước cho xây dựng	
26.1	Xác định hàm lượng cặn	TCVN 4560:2012
26.2	Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:2012 TCXD 81:1981
26.3	Xác định độ pH	TCVN 6492: 2011
27	Thử nghiệm vải địa kỹ thuật	
27.1	Vải địa kỹ thuật xác định: Lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật ; Lực xé rách hình thang , Lực xuyên thủng CBR; Lực kháng xuyên thủng; áp lực kháng bụi; Kích thước lỗ biểu kiến; trọng lượng trên đơn vị diện tích; chiều dày tiêu chuẩn; Cường độ chịu kéo theo phương dọc và phương ngang; Độ giãn dài khi kéo đứt; Độ thấm xuyên; Khả năng thấm	TCVN 8871:2011; ASTM D6241:00; ASTM D4533-11; ASTM D4595; ASTM D5261 TCVN 8487:2010; ASTM D5199; ASTM D4491:99 ASTM D4716:03

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
28	Nắp hố ga, song chắn rác	
28.1	Kích thước, biến dạng dư, tải trọng thiết kế	TCVN 10333-3:2016
29	Vật liệu chống thấm – băng chặn nước PVC	
29.1	Kích thước, cường độ chịu kéo và giãn dài khi đứt	TCVN 9407-2014
29.2	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo - Xác định khối lượng riêng	TCVN 4866: 2013
29.3	Độ cứng shore A	TCVN 1595-1:2013
29.4	Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo – Xác định các tính chất ứng suất-giãn dài khi kéo	TCVN 4509:2006

Ghi chú (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương đương.